

Bản án số: 24/2022/HSST
Ngày 26-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng

Bà Mai Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2022/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKTT: Tổ dân phố X1, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị L1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/11/2021; có mặt.

- Bị hại: Chị Đặng Thị X, sinh năm 1990; trú tại: Thôn L, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Th; địa chỉ: Số 5 đường V, phường Kh, Quận Ng, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng Nh, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Viết L2, sinh năm 1950; địa chỉ: Cụm 8, phường Kh, Quận Ng, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc H được ông Nguyễn Xuân Th- Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Th, thuê làm giúp một số công việc của Công ty cho ông Th, không có hợp đồng lao động. Ông Th trả công cho H theo từng công việc. Vì vậy, H thường xuyên có mặt Văn phòng Công ty Th tại khu vực Hồ điều hòa Ph, phường Đ 1, quận H, Hải Phòng. Ngày 01/4/2021, tại chốt bảo vệ của Văn phòng Công ty Th, ông Nguyễn Viết L2 là bảo vệ của Công ty có nói với H việc chị Đặng Thị X muốn thuê mặt bằng Ki ốt số 4 thuộc Dự án vườn sinh vật cảnh của Công ty tại khu vực Hồ điều hòa Ph. Do giá thuê mặt bằng cao (5.000.000 đồng/ tháng) nên chị X hẹn ngày 02/4/2021 quay lại. Ông L2 đã báo cáo ông Nguyễn Xuân Th về việc này, nhưng ông Th trả lời thời điểm đó Công ty không cho thuê mặt bằng thuộc Dự án vườn sinh vật cảnh của Công ty. Sau đó, Phạm Ngọc H gọi điện cho ông Nguyễn Xuân Th xin ông Th cho thuê mặt bằng Ki ốt số 4 nói trên, nhưng ông Th không đồng ý.

Do cần tiền ăn tiêu và trả nợ, nên Phạm Ngọc H đã nảy sinh ý định giả mạo là nhân viên tư vấn của Công ty Th, lừa dối chị Đặng Thị X để chiếm đoạt tiền cho thuê mặt bằng. Ngày 02/4/2021, Phạm Ngọc H tự đến Ki ốt số 4 gặp chị X, thống nhất cho chị X thuê mặt bằng Ki ốt số 04 với giá 4.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng cho thuê có thời hạn 02 năm, bên thuê trả trước tiền thuê 01 năm (số tiền 48.000.000 đồng). Người thuê là chị X phải chịu chi phí cải tạo mặt bằng cho thuê. Sau đó, H tự soạn thảo Hợp đồng cho thuê Ki ốt và in ra 02 bản.

Sáng ngày 03/4/2021, H mang 02 bản Hợp đồng cho thuê Ki ốt đến gặp ông Th nhờ xin chữ ký của ông Nguyễn Hoàng Nh- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Th và đóng dấu Công ty. Nhưng ông Th vẫn không đồng ý, đề nghị hủy hợp đồng. H không hủy hợp đồng mà tiếp tục đến gặp chị X để ký kết hợp đồng tại chốt bảo vệ của Công ty Th. Khi ký kết Hợp đồng, chị X thắc mắc Hợp đồng không có chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu của Công ty. H trả lời ông Nguyễn Hoàng Nh đi vắng nên H xin bổ sung chữ ký và đóng dấu Công ty sau. Để chị X tin tưởng, H còn ký vào mục đại diện bên A (bên cho thuê- Công ty Cổ phần đầu tư Th) của 02 bản Hợp đồng cho thuê Ki ốt có giá trị như nhau. H và chị X mỗi người giữ một bản. Sau khi ký Hợp đồng, chị X đã đưa cho H số tiền thuê mặt bằng Ki ốt số 04 của 12 tháng là 48.000.000 đồng, có sự chứng kiến của chị gái chị X là chị Đặng Thị N và ông Nguyễn Viết L2.

Ngoài việc nhận tiền cho thuê mặt bằng, Phạm Ngọc H còn tư vấn cho chị X cải tạo mặt bằng Ki ốt số 04 và lập dự toán chi phí cải tạo mặt bằng với tổng chi phí là 46.550.000 đồng. Chị X đồng ý. Đến ngày 05/4/2021, tại quán bán đồ ăn của chị Lê Thị H1 ở khu vực Hồ điều hòa Ph, Phạm Ngọc H gặp chị X và nhận số tiền 10.000.000 đồng là tiền tạm ứng cải tạo mặt bằng Ki ốt số 04, có sự chứng kiến của chị H1. Tổng số tiền Phạm Ngọc H đã nhận của chị X là 58.000.000 đồng.

Do chị X nhiều lần giục H bàn giao mặt bằng, nhằm tạo sự tin tưởng, ngày 11/4/2021, H thuê thợ xây dựng và mua nguyên vật liệu để cải tạo mặt bằng Ki ốt số 04 hết tổng số tiền 4.000.000 đồng. Khi ông Th phát hiện và yêu cầu dừng thi công cải tạo Ki ốt số 04, H thuê người dọn dẹp hết 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại 52.000.000 đồng, H trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 07/5/2021, do chị X nhiều lần đòi tiền nên H đã chuyển khoản trả cho chị X số tiền 22.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, chị X và H giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 Hợp đồng cho thuê Ki ốt số 04 mà Hưng đã ký kết với chị X. Tại bản Kết luận giám định số 172/KLGĐ – PC09 ngày 22/10/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Mẫu chữ viết, chữ ký của Phạm Ngọc H trên tờ Hợp đồng cho thuê mặt bằng do chị X và H cung cấp so với mẫu chữ ký, chữ viết thật H cung cấp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An là của 01 người ký và viết ra.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An truy tố Phạm Ngọc H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung nêu trên và khai: Trong số tiền nhận của chị X là 58.000.000 đồng, bị cáo gửi chị Nguyễn Thị Tr (là nhân viên Công ty Cổ phần đầu tư Th) 24.000.000 đồng và cho ông Nguyễn Viết L2 1.000.000 đồng. Bị cáo không nói cho chị Tr biết nguồn gốc và mục đích gửi số tiền trên. Khoảng 02 ngày sau, bị cáo gặp chị Tr lấy lại số tiền 24.000.000 đồng. Đối với số tiền bị cáo cho ông L2, bị cáo không yêu cầu ông L2 phải trả lại cho bị cáo. Bị cáo đã chuyển khoản trả cho chị X số tiền 22.000.000 đồng và đã tác động gia đình trả cho chị X số tiền 36.000.000 đồng. Bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải An, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét có đủ cơ sở kết luận: Công ty Cổ phần Đầu tư Th không có chủ trương cho thuê mặt bằng thuộc Dự án vườn sinh vật cảnh của Công ty, ở khu vực Hồ điều hòa Ph, phường Đ 1, quận H, Hải Phòng. Phạm Ngọc H biết việc này, nhưng đã giả mạo là nhân viên tư vấn của Công ty, lừa dối chị Đặng Thị X ký kết Hợp đồng cho thuê mặt bằng ngày 03/4/2021, chiếm đoạt số tiền thuê mặt bằng Ki ốt số 04 là 48.000.000 đồng. H tiếp tục lừa dối chị X, lập dự toán chi phí cải tạo mặt bằng và chiếm đoạt của chị X số tiền tạm ứng cải tạo mặt bằng Ki ốt số 4 là 10.000.000 đồng vào ngày 05/4/2021. Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối, H đã chiếm đoạt tổng số tiền của chị X là 58.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[3] Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị X là 58.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự (chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng).

- Về hình phạt:

[4] Xét về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần chiếm đoạt tiền của chị X, ngày 03/4/2021 chiếm đoạt 48.000.000 đồng và ngày 05/4/2021 chiếm đoạt 10.000.000 đồng. Cả hai lần chiếm đoạt này đều cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

“phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, xét tội phạm mà bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, cần áp dụng đối với bị cáo một hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[8] Theo khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

[9] Bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Việc tự ý ký hợp đồng cho thuê và cải tạo mặt bằng Ki ốt số 04 của bị cáo làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Công ty Th. Bị cáo đã khắc phục, sửa chữa lại mặt bằng, trả lại nguyên trạng theo đề nghị của Công ty Th. Công ty Th không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí:

[11] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Những vấn đề khác:

[12] Ngày 02/4/2021, ông Nguyễn Viết L2 chứng kiến việc ký hợp đồng cho thuê mặt bằng và nhận tiền giữa bị cáo và chị X. Nhưng ông L2 không biết việc H không được sự đồng ý của lãnh đạo Công ty Th. Ông L2 không nhớ việc H cho 1.000.000 đồng tiền bồi dưỡng. Vì vậy, không đủ căn cứ xác định ông L2 đồng phạm với H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra không lập hồ sơ xử lý là có căn cứ.

[13] Đối với Nguyễn Thị Tr xác định có việc H đưa cho Tr số tiền 24.000.000 đồng, nhưng không nói nguồn gốc số tiền, phù hợp với lời khai của bị cáo. Vì vậy, Cơ quan điều tra không lập hồ sơ xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các điều 135, 136, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử phạt: Phạm Ngọc H 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/11/2021.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- CQCSĐT- Công an quận Hải An;
- CQTHAHS- Công an quận Hải An;
- Phòng PV06- Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy